



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP CÀ MAU
CAMAU TRADING JOINT STOCK COMPANY- CAMEX

Trụ sở chính : 70-72 Đề Thám - P2 - TP. Cà Mau
Điện thoại : (84 290) 3822678 - 3822847
Fax : (84 290) 3834358
E-mail : info@tncm.com.vn
Website : www.tncm.com.vn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT TÓM TẮT NĂM 2020

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

STT	NỘI DUNG	MÃ SỐ	SỐ ĐẦU NĂM	SỐ CUỐI NĂM
I	Tài sản ngắn hạn	100	611.171.210.249	488.885.802.913
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	57.717.871.258	41.921.719.732
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	10.000.000.000	18.500.000.000
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	130	154.248.964.195	119.433.170.769
4	Hàng tồn kho	140	384.027.482.258	307.249.580.528
5	Tài sản ngắn hạn khác	150	5.176.892.538	1.781.331.884
II	Tài sản dài hạn	200	122.248.090.713	116.766.872.367
1	Các khoản phải thu dài hạn	210	2.551.980.000	2.316.720.000
2	Tài sản cố định	220	101.760.820.763	94.638.878.701
	- Tài sản cố định hữu hình	221	66.167.703.906	59.129.256.713
	- Tài sản cố định vô hình	227	35.593.116.857	35.509.621.988
3	Tài sản dở dang dài hạn	230	1.385.551.704	1.094.957.400
4	Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.192.720.900	5.532.436.000
5	Tài sản dài hạn khác	260	11.357.017.346	13.183.879.666
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	733.419.300.962	605.652.675.280
I	Nợ phải trả	300	551.426.808.909	407.850.898.592
1	Nợ ngắn hạn	310	549.876.808.909	407.400.898.592
2	Nợ dài hạn	320	1.550.000.000	450.000.000
II	Vốn chủ sở hữu	400	181.992.492.053	197.801.776.688
1	Vốn chủ sở hữu	410	181.992.492.053	197.801.776.688
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411	121.039.120.000	121.039.120.000
	- Cổ phiếu ưu đãi			-
2	Thặng dư vốn cổ phần	412	1.750.000.000	1.750.000.000
3	Quỹ đầu tư phát triển	417	28.395.005.354	30.217.312.764
4	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	21.314.417.017	34.777.187.287
	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	5.419.210.764	17.801.682.541
	- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	15.895.206.253	16.975.504.746
5	Lợi ích Cổ đông không kiểm soát	439	7.856.159.682	8.380.366.637
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	500	733.419.300.962	605.652.675.280

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH:

STT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	NĂM TRƯỚC (31/12/2019)	NĂM NAY (31/12/2020)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	4.728.813.920.038	4.222.119.804.921
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	37.134.286	44.861.685
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	4.728.776.785.752	4.222.074.943.236
4	Giá vốn hàng bán	11	4.549.080.387.852	4.034.384.187.237
5	LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	179.696.397.900	187.690.755.999
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	8.076.964.256	7.612.341.689
7	Chi phí tài chính	22	16.805.907.483	15.433.611.776
8	Chi phí bán hàng	23	147.793.726.562	152.428.025.479
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	24.828.823.721	23.148.778.224
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	(1.655.095.610)	4.292.682.209
11	Thu nhập khác	31	27.889.334.076	20.048.495.261
12	Chi phí khác	32	10.546.982	279.316.428
13	Lợi nhuận khác	40	27.878.787.094	19.769.178.833
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	26.223.691.484	24.061.861.042
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp	51	7.873.502.415	5.589.928.141
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	60	18.350.189.069	18.471.932.901
17	Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông Công ty mẹ	71	16.736.932.928	17.255.999.208
18	Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông thiểu số		1.613.256.141	1.215.933.693
19	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	80	1.244	1.283

Ngày 30 tháng 6 năm 2021



TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN THỊ VIỆT ÁNH